TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 29/5/2024
"V/v tranh chấp xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lâm Bé Nhi**
- *Các Hội thẩm nhân dân* 1/ Ông **Nguyễn Thành Đến**
2/ Ông **Lâm Thái Hiệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhã Trúc** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Danh Đạt** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 05 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST–HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST–HNGĐ, ngày 14 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn D,** sinh năm 1963
Địa chỉ: ấp NL, xã NQA, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu
2. Bị đơn: Bà **Trần Thị T,** sinh năm 1967
Địa chỉ: ấp NL, xã NQA, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Nguyễn Văn D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Trần Thị T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2023, tại bản tự khai ngày 08/01/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc vào khoảng năm 1988 nhưng đến nay không có tiến hành đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng ông bà

chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 20 năm nay. Nay ông nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị T.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, ông D xác định giữa ông và bà T có 01 người con chung là Nguyễn Thị Diễm, sinh năm 1994. Hiện tại cháu Diễm đã lớn và đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D xác định giữa ông và bà T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn bà Trần Thị T: Tòa án có tiến hành giao thông báo thụ lý và tiến hành lấy lời khai đối với bà T nhưng bà T không có mặt ở địa phương nên không thể tiến hành giao thông báo thụ lý và không thể tiến hành lấy lời khai đối với bà T. Bên cạnh đó, Tòa án có tiến hành niêm yết các thủ tục theo qui định pháp luật do bà T không có mặt ở địa phương. Chính quyền địa phương cũng xác định, bà T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp NL, xã NQA, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu và hiện tại không có ở địa phương nhưng lâu lâu bà T có về địa phương một lần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị T là vợ chồng;

2. Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết;

3. Về quan hệ tài sản: Ông Nguyễn Văn D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị T nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn D có nơi đăng ký thường trú tại ấp NL, xã NQA, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn D. Bị đơn bà Trần Thị T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị T.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông D thừa nhận vào năm 1988, ông D có tổ chức đám cưới với bà T trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay ông, bà chưa tiến hành đăng ký kết hôn. Nay ông D xin ly hôn với bà T. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".* Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị T là vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống ông D xác định giữa ông và bà T có 01 người con chung là Nguyễn Thị Diễm, sinh năm 1994. Hiện tại cháu Diễm đã lớn và đã trưởng thành nên ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản: Ông Nguyễn Văn D xác định giữa ông và bà T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị T là vợ chồng;

2/ Về con chung: Ông Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết;

3/ Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng ông D đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0007444 ngày 08/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp

lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đá ký)

Lâm Bé Nhi